

Công ty Cổ phần SPM

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011**

Công ty Cổ phần SPM
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 4102004241 ngày 26 tháng 3 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0302271207 ngày 25 tháng 9 năm 2010

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh 17 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 0302271207 ngày 25 tháng 9 năm 2010. Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Đào Hữu Hoàng
Đỗ Thị Mai
Đào Hữu Khôi
Nguyễn Thế Kỷ
Huỳnh Phú Hải

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Thế Kỷ
Huỳnh Phú Hải
Văn Tất Chiến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lô 51, Đường số 2
Khu Công nghiệp Tân Tạo
Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần SPM**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần SPM ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đính kèm đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự bảo đảm vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SPM tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 11-01-152



Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 08 AUG 2011

Công ty Cổ phần SPM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		530.186.387.341	455.891.739.476
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.278.263.662	7.491.575.099
Tiền	111		1.438.263.662	4.246.575.099
Các khoản tương đương tiền	112		4.840.000.000	3.245.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	141.477.966.149	124.155.966.149
Các khoản phải thu	130	6	330.892.158.179	296.646.103.371
Phải thu khách hàng	131		193.903.929.035	176.237.015.232
Trả trước cho người bán	132		10.404.377.561	8.475.668.111
Các khoản phải thu khác	135		127.107.248.833	112.456.817.278
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(523.397.250)	(523.397.250)
Hàng tồn kho	140	7	49.100.890.958	26.302.988.044
Hàng tồn kho	141		49.378.231.255	26.597.426.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(277.340.297)	(294.438.397)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.437.108.393	1.295.106.813
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		583.077.121	570.951.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		928.691.098	325.302.113
Tài sản ngắn hạn khác	154		925.340.174	398.853.408
Tài sản dài hạn	200		534.320.103.879	528.712.205.690
Tài sản cố định	220		418.308.278.168	424.129.110.690
Tài sản cố định hữu hình	221	8	130.242.559.802	136.451.325.460
Nguyên giá	222		193.503.587.904	192.002.252.146
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.261.028.102)	(55.550.926.686)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.607.833.026	6.740.949.790
Nguyên giá	228		8.240.916.178	8.238.416.178
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.633.083.152)	(1.497.466.388)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	281.457.885.340	280.936.835.440
Các khoản đầu tư dài hạn	250	11	116.011.825.711	104.583.095.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		69.486.825.711	58.058.095.000
Đầu tư dài hạn khác	258		46.525.000.000	46.525.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.064.506.491.220	984.603.945.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần SPM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		441.095.725.120	382.380.233.738
Nợ ngắn hạn	310		440.654.220.641	382.181.468.233
Vay ngắn hạn	311	12	134.893.568.705	90.248.280.149
Phải trả người bán	312		63.215.279.710	47.267.807.487
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	13	16.855.245.524	16.872.526.595
Phải trả người lao động	315		753.643.202	684.424.385
Chi phí phải trả	316		248.362.286	257.110.400
Phải trả khác	319	14	224.688.121.214	226.851.319.217
Nợ dài hạn	330		441.504.479	198.765.505
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	344.163.259	95.354.285
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	97.341.220	103.411.220
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		623.410.766.100	602.223.711.428
Vốn chủ sở hữu	410		623.410.766.100	602.223.711.428
Vốn cổ phần	411	17	140.000.000.000	140.000.000.000
Thặng dư vốn	412		210.885.368.500	210.885.368.500
Cổ phiếu quỹ	414	17	(10.036.370.000)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		282.561.767.600	251.338.342.928
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.064.506.491.220	984.603.945.166

Người lập:



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Người lập:

mm2

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

[Handwritten signature]

Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	100.000.000.000	-	-	-	142.543.371.397	242.543.371.397
Vốn góp	40.000.000.000	210.885.368.500	-	-	-	250.885.368.500
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	43.861.067.930	43.861.067.930
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	(30.911.981)	-	(30.911.981)
Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2010	140.000.000.000	210.885.368.500	-	(30.911.981)	186.404.439.327	537.258.895.846
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	87.333.903.601	87.333.903.601
Cổ tức	-	-	-	-	(22.400.000.000)	(22.400.000.000)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	30.911.981	-	30.911.981
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	140.000.000.000	210.885.368.500	-	-	251.338.342.928	602.223.711.428
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	31.223.424.672	31.223.424.672
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	(10.036.370.000)	-	-	(10.036.370.000)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	-	282.561.767.600	623.410.766.100

Người lập:

Bùi Công Sơn

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thế Kỳ

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần SPM**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		32.557.369.216	45.310.117.346
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.968.644.370	7.979.486.319
Các khoản dự phòng	03		94.183.049	-
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(11.801.281.028)	(2.632.473.308)
Chi phí lãi vay	06		8.653.580.154	3.825.502.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		37.472.495.761	54.482.632.917
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(33.743.125.041)	(10.884.846.607)
Biến động hàng tồn kho	10		(22.892.085.963)	(3.218.666.199)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		13.757.122.381	1.232.252.919
			(5.405.592.862)	41.611.373.030
Tiền lãi vay đã trả	13		(8.653.580.154)	(3.825.502.560)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.020.864.099)	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(15.080.037.115)	37.785.870.470
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.147.811.848)	(129.223.810.709)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		11.329.091	172.125.000
Các khoản cho vay và ký quỹ có thời hạn	23		(27.602.000.000)	(125.619.941.000)
Tiền thu hồi từ các khoản cho các đơn vị khác vay	24		10.280.000.000	-
Tiền thu đầu tư vào các đơn vị khác	25		(11.428.730.711)	(117.691.725.845)
Tiền thu lãi cho vay	27		10.145.020.590	2.782.264.708
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(20.742.192.878)	(369.581.087.846)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

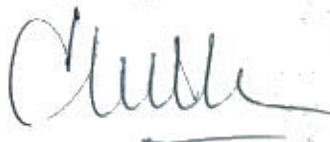
	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ hoạt động góp vốn	31		-	250.885.368.500
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(10.036.370.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		150.535.235.048	102.862.225.746
Nhận vốn góp từ các bên khác cho Dự án Long Trường			-	168.150.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(105.889.946.492)	(191.570.308.230)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		34.608.918.556	330.327.286.016
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.213.311.437)	(1.467.931.360)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		7.491.575.099	3.184.008.783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		-	(30.911.981)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	6.278.263.662	1.685.165.442

Người lập:



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần SPM ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong giấy phép đầu tư của Công ty là sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm; sản xuất dược phẩm; cho thuê kho bãi, văn phòng; cho thuê nhà kho; kinh doanh dược phẩm; kinh doanh căn hộ; kinh doanh thiết bị y tế; khai thác kim loại, đá, cát, sỏi, quặng đất sét; sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng; kinh doanh máy móc, thiết bị và các phụ tùng khác; kinh doanh thiết bị và vật liệu xây dựng.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 234 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 243 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ cần được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và công bố các công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng theo các yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") một cách phi hồi tố. Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị và trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính theo yêu cầu của Thông tư 210 không bao gồm các số liệu so sánh do việc áp dụng là phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm cả các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 năm.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(iii) Bản quyền sáng chế

Chi phí mua lại bản quyền sáng chế được vốn hóa thành tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận địa lý trọng yếu duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo bộ phận kinh doanh, bao gồm hai bộ phận kinh doanh chính là Dược phẩm và Bất động sản.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

	Được phẩm		Bất động sản		Chung		Tổng	
	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	403.079.138.508	343.434.922.198	105.530.695.845	105.530.695.845	21.576.552.988	6.926.121.433	530.186.387.341	455.891.739.476
Tài sản dài hạn	137.515.924.638	143.336.757.160	300.903.383.530	300.903.383.530	95.900.795.711	84.472.065.000	534.320.103.879	528.712.205.690
	540.595.063.146	486.771.679.358	406.434.079.375	406.434.079.375	117.477.348.699	91.398.186.433	1.064.506.491.220	984.603.945.166
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	217.751.387.391	158.278.634.983	222.902.833.250	223.902.833.250	-	-	440.654.220.641	382.181.468.233
Nợ dài hạn	441.504.479	198.765.505	-	-	-	-	441.504.479	198.765.505
	218.192.891.870	158.477.400.488	222.902.833.250	223.902.833.250	-	-	441.095.725.120	382.380.233.738
Khấu hao và phân bổ								
Các khoản dự phòng	7.968.644.370	15.993.256.143	-	-	-	-	7.968.644.370	15.993.256.143
	(94.183.049)	-	-	-	-	-	(94.183.049)	-
Chi phí đầu tư vốn	2.147.811.848	131.809.956.999	-	-	-	-	2.147.811.848	131.809.956.999

Bộ phận bất động sản không tạo ra doanh thu và chi phí cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: không).

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	14.340.888	3.856.932.582
Tiền gửi ngân hàng	1.423.922.774	389.642.517
Các khoản tương đương tiền	4.840.000.000	3.245.000.000
	6.278.263.662	7.491.575.099

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 24 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 17 triệu VNĐ).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Cho các bên liên quan vay	91.477.966.149	74.155.966.149
Đầu tư ngắn hạn khác	50.000.000.000	50.000.000.000
	141.477.966.149	124.155.966.149

Khoản cho các bên khác vay không được bảo đảm, chịu lãi suất dao động từ 1,00% đến 1,67% một tháng và phải hoàn trả trong vòng một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn ASV vay, hưởng lãi suất 2% tháng.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

6. Phải thu khách hàng

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ cổ đông		
Phi thương mại	6.513.064.680	2.000.000.000
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	186.501.754.737	134.942.468.501
Phi thương mại	5.487.714.667	950.000.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Phát triển Sản xuất Gia dụng và Công Nghiệp	105.530.695.845	105.530.695.845
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASV	7.725.000.000	2.150.000.000
Phải thu các bên liên quan	12.000.779.347	2.950.000.000
Phải thu khác	1.850.773.641	1.826.121.433
	127.107.248.833	112.456.817.278

Khoản phải thu từ Công ty TNHH Phát triển Sản xuất Gia dụng và Công Nghiệp phản ánh các khoản phải thu từ việc thanh lý đất dự án Phú Hữu. Các khoản phải thu trên là không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu phản ánh mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó các khách hàng mới được phân tích về khả năng tín dụng trước khi điều khoản thanh toán chuẩn và giao nhận được thiết lập. Hạn mức mua hàng được xác lập cho mỗi khách hàng; hạn mức này là mức được cấp mà không cần có các phê duyệt đặc biệt. Hạn mức tín dụng được xem xét lại hàng năm. Các khoản phải thu đến hạn trong vòng 180 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng với số dư có thời hạn trên 180 ngày cần phải thanh toán số dư trước khi khoản tín dụng khác được cấp. Công ty không yêu cầu có tài sản thế chấp từ khách hàng.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty thiết lập khoản dự phòng tổn thất trong đó phản ánh ước tính của các khoản lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác. Phần chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể có liên quan đến các rủi ro trọng yếu riêng lẻ.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính phản ánh mức rủi ro tín dụng tối đa.

	Gộp 30/6/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2011 VND
Chưa quá hạn	320.161.650.215	-
Quá hạn từ 31 đến 120 ngày	12.462.000	-
Quá hạn hơn 120 ngày	837.065.653	523.397.250
	321.011.177.868	523.397.250

7. Hàng tồn kho

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng đang chuyển	11.906.701.000	2.620.184.797
Nguyên vật liệu	31.332.559.788	19.867.476.600
Sản phẩm dở dang	5.841.585.322	3.291.274.759
Thành phẩm	297.385.145	818.490.285
	49.378.231.255	26.597.426.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(277.340.297)	(294.438.397)
	49.100.890.958	26.302.988.044

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 VND
Số dư đầu kỳ	294.438.397	454.165.581
Tăng dự phòng trong kỳ	94.183.049	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(111.281.149)	-
Số dư cuối kỳ	277.340.297	454.165.581

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	70.028.168.118	120.651.208.971	999.814.840	323.060.217	192.002.252.146
Tăng trong kỳ	-	937.404.174	39.877.500	646.980.274	1.624.261.948
Thanh lý trong kỳ	-	(122.926.190)	-	-	(122.926.190)
Số dư cuối kỳ	70.028.168.118	121.465.686.955	1.039.692.340	970.040.491	193.503.587.904
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.241.040.626	44.151.525.683	915.599.122	242.761.255	55.550.926.686
Khấu hao trong kỳ	1.446.444.402	6.297.462.981	55.941.696	33.178.527	7.833.027.606
Thanh lý trong kỳ	-	(122.926.190)	-	-	(122.926.190)
Số dư cuối kỳ	11.687.485.028	50.326.062.474	971.540.818	275.939.782	63.261.028.102
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	58.340.683.090	71.139.624.481	68.151.522	694.100.709	130.242.559.802
Số dư đầu năm	59.787.127.492	76.499.683.288	84.215.718	80.298.962	136.451.325.460

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 4.433 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.932 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 70.033 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 74.357 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Bản quyền sáng chế VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	7.281.897.278	71.078.900	885.440.000	8.238.416.178
Tăng trong kỳ	-	2.500.000	-	2.500.000
Số dư cuối kỳ	7.281.897.278	73.578.900	885.440.000	8.240.916.178
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.428.511.641	17.304.078	51.650.669	1.497.466.388
Khấu hao trong kỳ	79.151.058	12.193.704	44.272.002	135.616.764
Số dư cuối kỳ	1.507.662.699	29.497.782	95.922.671	1.633.083.152
Giá trị còn lại				
Số dư cuối kỳ	5.774.234.579	44.081.118	789.517.329	6.607.833.026
Số dư đầu năm	5.853.385.637	53.774.822	833.789.331	6.740.949.790

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Dự án Nhà chung cư VNĐ	Nhà máy được phẩm VNĐ	Bệnh viện phụ sản VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	280.792.353.530	84.481.910	60.000.000	280.936.835.440
Tăng trong kỳ	-	521.049.900	-	521.049.900
Số dư cuối kỳ	280.792.353.530	605.531.810	60.000.000	281.457.885.340

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư dài hạn

		30/6/2011		31/12/2010
	% vốn sở hữu	VND	% vốn sở hữu	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết				
o Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hà Land	13%	20.111.030.000	25%	20.111.030.000
o Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị	49%	23.250.000.000	49%	23.250.000.000
o Công ty Cổ phần Dược phẩm Ánh Sao Việt	30%	26.125.795.711	30%	14.697.065.000
Đầu tư dài hạn khác		46.525.000.000		46.525.000.000
		<u>116.011.825.711</u>		<u>104.583.095.000</u>

12. Vay ngắn hạn

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn chưa quyết toán như sau:

	Loại tiền	Lãi suất vay	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay 1 vay từ Ngân hàng HSBC (a)	VND	16,00% - 19,00% năm	46.404.590.863	29.924.521.560
Khoản vay 2 vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (b)	VND	16,80% - 19,00% năm	69.996.591.161	40.374.885.038
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Tạo (c)	VND	17,00% - 20,00% năm	15.377.586.681	19.948.873.551
Khoản vay 4 từ Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài gòn Thương Tín (d)	VND	0,069% ngày	3.114.800.000	-
			<u>134.893.568.705</u>	<u>90.248.280.149</u>

- a. Khoản vay này được Ông Đào Hữu Hoàng bảo lãnh bằng 2.500.000 Đô la Mỹ và được thế chấp bằng hợp đồng/giấy chứng nhận bảo hiểm hàng tồn kho tại nhà kho có giá trị tối thiểu là 2.500.000 Đô la Mỹ (2010: 1.500.000 Đô la Mỹ).

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

- b. Khoản vay này có hạn mức là 70 tỷ VNĐ (2010: 70 tỷ VNĐ). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 70 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 74 tỷ VNĐ).
- c. Khoản vay này không được đảm bảo, có hạn mức tín dụng tối đa là 30.000 triệu VNĐ.
- d. Khoản vay này được dùng cho việc mua lại cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các khoản nợ tài chính với các khoản thanh toán cố định hoặc thay đổi có thời gian đáo hạn theo hợp đồng cùng với lãi suất ước tính phải trả như sau:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Luồng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VNĐ	6 tháng hoặc dưới 6 tháng VNĐ	6-12 tháng VNĐ
Phải trả người bán và phải trả khác	287.903.400.924	287.903.400.924	64.726.456.594	223.176.944.330
Vay ngắn hạn	134.893.568.705	142.401.111.172	142.401.111.172	-
	422.796.969.629	430.304.512.096	207.127.567.766	223.176.944.330

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, khoản vay 135 tỷ VNĐ của Công ty chịu lãi suất biến đổi. Công ty không có chính sách giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất. Trong trường hợp lãi suất tăng thêm 100 điểm, lãi thuần của Công ty sẽ giảm 282 triệu VNĐ.

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.269.347.807	1.551.133.890
Thuế nhập khẩu	5.773.041	29.875.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.614.214.758	14.549.943.287
Thuế thu nhập cá nhân	871.210.383	741.573.775
Khác	94.699.535	-
	16.855.245.524	16.872.526.595

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

14. Phải trả khác

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Bảo hiểm y tế và xã hội	198.250.110	163.638.484
Cổ tức phải trả	181.943.850	197.376.750
Phải trả khác cho Dự án Long Trường (*)	222.902.833.250	223.902.833.250
Khác	1.405.094.004	2.587.470.733
	224.688.121.214	226.851.319.217

(*) Các khoản phải trả khác cho dự án Long Trường bao gồm khoản tạm ứng của Công ty Sông Đà là 168.150 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 168.150 VNĐ); Bà Chu Thị Thu Phương là 44.512 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 44.512 triệu VNĐ) và Bà Đỗ Thị Hằng là 10.240 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.240 triệu VNĐ) là những người tham gia trong dự án phát triển căn hộ tại Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng hàng tồn kho	7.718.303	8.194.139
Chi phí phải trả	6.911.853	6.512.155
Dự phòng phải thu khó đòi	52.439.421	52.439.421
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	67.069.577	67.145.715
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Các khoản phải thu khác	411.232.836	162.500.000
Thuế thu nhập hoãn lại thuần phải trả	344.163.259	95.354.285

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	103.411.220
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(6.070.000)
Số dư cuối kỳ	97.341.220

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 40 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 29 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(230.0000)	(2.300.000.000)	-	-
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	137.700.000.000	14.000.000	140.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	14.000.000	140.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phần phát hành trong kỳ	-	-	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu quỹ đã mua trong kỳ	(230.000)	(10.036.370.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	13.770.000	129.963.630.000	14.000.000	140.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền đều được tạm ngưng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

Vào tháng 6 năm 2011, Công ty đã mua lại 230.000 cổ phiếu với giá trung bình là 43.636 VND trên cổ phiếu. Các cổ phiếu này được ghi nhận trong tài khoản cổ phiếu quỹ.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ông Đào Hữu Hoàng	5.365.830	38,97%
Công ty chứng khoán Sacombank	1.041.500	7,56%
Bà Đỗ Thị Mai	1.000.000	7,26%
Bà Hồ Mộng Tiên	883.590	6,42%
Amersham Industries Limited	600.000	4,36%
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	577.075	4,19%
Công ty Quản lý quỹ VietFund Management	526.000	3,82%
Các cổ đông khác	3.776.005	27,42%
	13.770.000	100,00%

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cho thuê không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	124.072.978.994	142.426.006.622
▪ Bán hàng hóa	49.427.632.971	20.670.303.354
▪ Dịch vụ	872.727.270	872.727.272
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.063.261.122)	(4.167.785.386)
Doanh thu thuần	163.310.078.113	159.801.251.862

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

19. Giá vốn hàng bán

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Thành phẩm đã bán	71.460.833.043	82.274.336.186
Hàng hóa đã bán	43.664.039.827	18.164.228.171
	115.124.872.870	100.438.564.357

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi	11.789.951.937	2.782.264.708
Lãi chênh lệch tỷ giá	146.442.472	198.164.487
	11.936.394.409	2.980.429.195

21. Chi phí tài chính

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Chi phí lãi vay	8.653.580.154	3.825.502.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.575.188.541	2.806.613.138
	11.228.768.695	6.632.115.698

Công ty Cổ phần SPM**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)****22. Thu nhập khác**

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	11.329.091	172.125.000
Thu từ các khoản bồi thường từ các bên khác	68.008.586	77.599.626
Thu nhập khác	40.320.650	138.216.676
	119.658.327	387.941.302

23. Chi phí khác

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	-	321.916.400
Chi phí khác	136.598.610	27.948.990
	136.598.610	349.865.390

24. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.085.135.570	1.449.049.416
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	248.808.974	-
Chi phí thuế thu nhập	1.333.944.544	1.449.049.416

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	32.557.369.216	45.310.117.346
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập thông thường	8.139.342.304	11.327.529.337
Thu nhập miễn thuế	(248.732.837)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	322.018.612	39.109.905
Ảnh hưởng của ưu đãi về thuế	(6.878.683.535)	(9.917.589.826)
	1.333.944.544	1.449.049.416

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh và mức thuế thông thường (hiện tại là 25%) trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất "Xây dựng nhà máy dược phẩm mới" và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm đầu và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án này. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế của dự án này.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	31.223.424.672	43.861.067.930

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	14.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu vào tháng 3 năm 2010	-	2.266.667
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu vào tháng 6 năm 2011	(11.556)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	13.988.444	12.266.667

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được nêu trong các thuyết minh khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Công ty Dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm	128.190.302.531	150.454.334.194
Cung cấp dịch vụ	872.727.270	872.727.272
Thu lãi từ cho vay	4.961.866.667	1.967.333.334
Cho Công ty Dược phẩm Đô Thành vay	8.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị		
Cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị vay	200.000.000	-
Bán hàng hóa	15.455.906.032	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ánh Sao Việt		
Góp vốn	11.428.730.711	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Cho Công ty vay	-	950.000.000
Vay từ Công ty	17.902.000.000	4.000.000.000
Thu nhập từ lãi	1.213.064.680	-
Tạm ứng từ Công ty	-	3.519.688.417
Lương, thưởng	595.408.500	405.571.000

Công ty Dược phẩm Đô Thành là công ty chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

27. Nợ thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có khoản nợ thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.177
Trả trước cho người bán	25.174
Các khoản phải trả thương mại	(1.861.875)
	(1.835.524)

Trạng thái rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý thông qua việc giữ trạng thái này luôn ở mức chấp nhận được bằng việc mua hoặc bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để đáp ứng trạng thái này trong ngắn hạn.

Dưới đây là tỷ giá hối đoái chủ yếu được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại 30/6/2011 VND
1 USD	20.618

Dưới đây là sự phân tích ảnh hưởng có thể xảy ra đến lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 VND
USD (tăng 8%) – giảm lợi nhuận	(2,276,656,654)

Biến động theo chiều ngược lại của tỷ giá có ảnh hưởng bằng nhưng theo chiều ngược lại đến khoản lãi thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	99.477.545.119	85.352.272.795
Chi phí nhân công và nhân viên	5.042.376.984	5.423.898.530
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.968.644.370	7.979.486.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	18.954.827.855	12.121.866.271

Người lập:



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2011

